

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ngành đào tạo: Sư phạm Địa lý (Geography Teacher Education)

Trình độ đào tạo: Đại học

Loại hình đào tạo: Chính quy

(Ban hành tại Quyết định số 799/QĐ-ĐHAG ngày 5/6/2009 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang)

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân khoa học ngành Địa lý có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt. Nắm vững các tri thức về địa lý cơ bản và phương pháp giảng dạy địa lý ở trường Trung học phổ thông. Có khả năng giảng dạy các kiến thức địa lý cho học sinh Trung học phổ thông đáp ứng chương trình, phù hợp với nội dung đổi mới phương pháp dạy và học hiện nay.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Về phẩm chất đạo đức

Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên nhà trường xã hội chủ nghĩa Việt Nam: thấm nhuần thế giới quan Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức trách nhiệm cao, có đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực của người giáo viên.

1.2.2. Về kiến thức

- Hiểu biết rõ ràng về bản chất đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của khoa học địa lý. Nắm vững những tri thức địa lý cơ bản có quan hệ tới các hiện tượng, các quá trình tự nhiên.

- Nắm vững kiến thức cơ bản về địa lý kinh tế xã hội đại cương, địa lý kinh tế – xã hội của các vùng, các quốc gia trên thế giới và cả ở Việt Nam.

- Hiểu đúng đắn mối quan hệ giữa tự nhiên và kinh tế, giữa con người với môi trường và sự phát triển bền vững.

- Hiểu rõ chủ trương đổi mới phương pháp dạy học ở các cấp học, bậc học của Đảng và Nhà nước hiện nay.

- Nắm được lý luận dạy học cơ bản, tiếp cận được các phương pháp dạy học hiện đại.

1.2.3. Về kỹ năng

- Có kỹ năng giải thích được các hiện tượng địa lý tự nhiên, các quá trình kinh tế – xã hội đề cập đến trong chương trình Trung học phổ thông.

- Có khả năng áp dụng các phương pháp tiên tiến và phương tiện dạy học hiện đại vào các quá trình dạy học địa lý ở các trường Trung học phổ thông của nước ta, nâng cao chất lượng dạy học địa lý.

- Có khả năng nghiên cứu tìm hiểu tự nhiên, kinh tế – xã hội khu vực, địa phương phục vụ cho công tác giảng dạy, học tập địa lý và thực tiễn phát triển kinh tế – xã hội.

- Có khả năng sư phạm, khả năng vận dụng những hiểu biết và kỹ năng nghề nghiệp vào dạy học địa lý ở các trường Trung học phổ thông.

2. Thời gian đào tạo: 4 năm.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa

140 tín chỉ (chưa kể Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng).

4. Đối tượng tuyển sinh

Những học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc bổ túc THPT, trúng tuyển qua kỳ thi tuyển sinh do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Theo Quyết định số 286/QĐ-ĐHAG ngày 06/03/2009 và các quyết định sửa đổi, bổ sung: Quyết định số 357/QĐ-ĐHAG ngày 21/11/2011 và Quyết định số 139/QĐ-ĐHAG ngày 25/5/2013 của Hiệu trưởng Trường Đại học An Giang.

6. Thang điểm

Thang điểm 10 (sau đó quy đổi thành thang điểm 4).

7. Nội dung chương trình (tên và khối lượng các học phần)

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ		Loại HP		Số tiết		Học phần trước	Học phần song hành	Học phần tiên quyết	Học kỳ (dự kiến)	Trang tra cứu
			Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm							
I Khối kiến thức giáo dục đại cương 34 TC (Bắt buộc: 34 TC; Tự chọn: 0 TC)													
1	MAX101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2			22	16				I	
2	MAX102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3			32	26	1			II	
3	HCM101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2			21	18	2			III	
4	VRP101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3			32	26	3			IV	
5	ENG101	Tiếng Anh 1	3	3			45					I	
6	ENG102	Tiếng Anh 2	4	4			60		5			II	
7	COS101	Tin học đại cương	3	3			25	40				I	
8	PHT101	Giáo dục thể chất (*)	3*	3*				90				I, II, III	
9	MIS102	Giáo dục quốc phòng – an ninh (*)	8*	8*			91	69				III, IV	
10	PSY101	Tâm lý học đại cương	2	2			30					I	
11	PSY102	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm đào tạo giáo viên THCS và PT	2	2			30		10			II	
12	PED101	Giáo dục học 1	2	2			30		10			III	
13	PED102	Giáo dục học 2 đào tạo giáo viên THCS và PT	2	2			30		12			IV	
14	EDU101	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và đào tạo	1	1			15					VII	
15	PED111	Phương pháp nghiên cứu khoa học – SP ĐL	2	2			30		13			V	
16	MAT103	Toán C	3	3			45					I	
II Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 106 TC (Bắt buộc: 92 TC; Tự chọn: 14 TC)													
17	PGE501	Đại cương về Trái Đất	2	2			30					I	
18	PGE302	Địa chất đại cương	3	3			45					II	
19	PGE502	Địa chất lịch sử	2	2			30					II	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học phần trước	Học phần song hành	Học phần tiên quyết	Học kỳ (dự kiến)	Trang tra cứu
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm					
20	PGE521	Bản đồ học đại cương	3	3		45					III	
21	PGE518	Khí quyển	3	3		45					I	
22	PGE506	Thạch quyển – Thủy quyển	4	4		60		17,18			II	
23	PGE522	Thổ nhưỡng	2	2		30		17			III	
24	PGE523	Sinh quyển – Vô cảnh quan	3	3		45		17			III	
25	PED542	Lý luận dạy học môn Địa lý	4	4		60		12			V	
26	COA514	Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lý	2	2		10	40	7			VI	
27	PGE508	Địa lý tự nhiên các lục địa 1	4	4		60		17			III	
28	PGE519	Địa lý tự nhiên các lục địa 2	3	3		45		17			IV	
29	PGE511	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	4	4		60		17			IV	
30	PGE512	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	3	3		45		17			IV	
31	SEG501	Địa lý kinh tế – xã hội đại cương 1	3	3		45					IV	
32	SEG502	Địa lý kinh tế – xã hội đại cương 2	4	4		60					V	
33	PED516	Phương pháp dạy học Địa lý 1	3	3		45		25			VI	
34	PED584	Phương pháp dạy học Địa lý 2	3	3		45		25			VII	
35	PED547	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm – SP ĐL	1	1			30	11			VI	
36	ESP517	Tiếng Anh chuyên ngành SP ĐL	3	3		45		6			III	
37	SEG503	Địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam 1	4	4		60		29,30			VI	
38	SEG504	Địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam 2	3	3		45		29,30			VI	
39	PGE510	Thực địa tự nhiên	1	1			60				IV	
40	SEG505	Thực địa kinh tế	1	1			60				VI	
41	PGE513	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) – SP ĐL	2	2		10	40	26			VII	
42	SEG506	Địa lý kinh tế – xã hội Thế giới 1	4	4		60		27,28			V	
43	SEG507	Địa lý kinh tế – xã hội Thế giới 2	3	3		45		27,28			V	
44	SEG508	Địa danh Việt Nam	2	2		30					VII	
45	GEO503	Địa lý địa phương	2	2		30		31,32			VII	
46	PGE504	Bản đồ chuyên đề	2	2		30		20			VII	
47	PGE514	Địa lý Biển Đông	2	2		30		29			VII	
48	SEG509	Giáo dục dân số	2			30					VII	
49	SEG514	Địa lý đô thị	2		2	30		31			VII	
50	VIE101	Tiếng Việt thực hành	2			30					VI	
51	SEG512	Lịch sử văn minh thế giới A – SP ĐL	2		2	30					VI	
52	EDU901	Kiến tập sư phạm – SP	2	2							V	
53	EDU914	Thực tập sư phạm – SP ĐL	5	5							VIII	
54	EDU951	Khóa luận tốt nghiệp – SP ĐL	10		10						VIII	
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:												
55	SEG515	Địa lý du lịch– SP ĐL	3			45		32			VIII	
56	PGE515	Địa lý cảnh quan	2		10	30		23			VIII	
57	PGE520	Khí hậu ứng dụng	2			30		21			VIII	
58	SEG517	Phong tục, tín ngưỡng, lễ hội Việt Nam	3			45		31			VIII	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học phần trước	Học phần song hành	Học phần tiên quyết	Học kỳ (dự kiến)	Trang tra cứu
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm					
59	PGE517	Địa lý nhiệt đới	2			30		27,28			VIII	
60	SEG510	Môi trường và con người – SP ĐL	2			30					VIII	
61	EDU956	Giao tiếp sư phạm	2			20	20				VIII	
62	PGE901	Ứng dụng viễn thám và hệ thống định vị toàn cầu (GPS) vào ngành Địa lý	2			20	20				VIII	
Tổng số tín chỉ toàn chương trình: 140 TC (Bắt buộc: 126 TC; Tự chọn: 14 TC)												

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	
1	MAX101	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2	2		22	16	I
2	ENG101	Tiếng Anh 1	3	3		45		
3	COS101	Tin học đại cương	3	3		25	40	
4	PSY101	Tâm lý học đại cương	2	2		30		
5	MAT103	Toán C	3	3		45		
6	PGE501	Đại cương về Trái Đất	2	2		30		
7	PGE518	Khí quyển	3	3		45		
8	PHT110	Giáo dục thể chất 1 (*)	1*	1*			30	
Tổng số tín chỉ học kỳ I: 18 (Bắt buộc: 18; Tự chọn: 0)								
1	MAX102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2	3	3		32	26	II
2	ENG102	Tiếng Anh 2	4	4		60		
3	PSY102	Tâm lý học lứa tuổi và sư phạm đào tạo giáo viên THCS và PT	2	2		30		
4	PGE302	Địa chất đại cương	3	3		45		
5	PGE502	Địa chất lịch sử	2	2		30		
6	PGE506	Thạch quyển – Thủy quyển	4	4		60		
7	PHT120	Giáo dục thể chất 2 (*)	1*	1*			30	
Tổng số tín chỉ học kỳ II: 18 (Bắt buộc: 18; Tự chọn: 0)								
1	HCM101	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		21	18	III
2	PED101	Giáo dục học 1	2	2		30		
3	PGE503	Bản đồ học đại cương	3	3		45		
4	PGE508	Địa lý tự nhiên các lục địa 1	4	4		60		
5	PGE522	Thổ nhưỡng	2	2		30		
6	PGE523	Sinh quyển – Vô cảnh quan	3	3		45		
7	ESP517	Tiếng Anh chuyên ngành SP ĐL	3	3		45		
8	PHT130	Giáo dục thể chất 3 (*)	1*	1*			30	
9	MIS150	Giáo dục quốc phòng – an ninh 1 (*)	3*	3*		30	16	

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm	
10	MIS160	Giáo dục quốc phòng – an ninh 2 (*)	2*	2*		32	10	
Tổng số tín chỉ học kỳ III: 19 (Bắt buộc: 19; Tự chọn: 0)								
1	VRP101	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	3		32	26	IV
2	PED102	Giáo dục học 2 đào tạo giáo viên THCS và PT	2	2		30		
3	PGE519	Địa lý tự nhiên các lục địa 2	3	3		45		
4	PGE511	Địa lý tự nhiên Việt Nam 1	4	4		60		
5	PGE512	Địa lý tự nhiên Việt Nam 2	3	3		45		
6	PGE510	Thực địa tự nhiên	1	1			60	
7	SEG501	Địa lý kinh tế – xã hội đại cương 1	3	3		45		
8	MIS170	Giáo dục quốc phòng – an ninh 3 (*)	3*	3*		29	43	
Tổng số tín chỉ học kỳ IV: 19 (Bắt buộc: 19; Tự chọn: 0)								
1	PED111	Phương pháp nghiên cứu khoa học – SP ĐL	2	2		30		V
2	PED542	Lý luận dạy học môn Địa lý	4	4		60		
3	SEG502	Địa lý kinh tế – xã hội đại cương 2	4	4		60		
4	SEG506	Địa lý kinh tế – xã hội Thế giới 1	4	4		60		
5	SEG507	Địa lý kinh tế – xã hội Thế giới 2	3	3		45		
6	EDU901	Kiến tập sư phạm – SP	2	2				
Tổng số tín chỉ học kỳ V: 19 (Bắt buộc: 19; Tự chọn: 0)								
1	COA514	Ứng dụng CNTT trong dạy học Địa lý	2	2		10	40	VI
2	SEG503	Địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam 1	4	4		60		
3	SEG504	Địa lý kinh tế – xã hội Việt Nam 2	3	3		45		
4	SEG505	Thực địa kinh tế	1	1			60	
5	PED547	Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm – SP ĐL	1	1			30	
6	PED516	Phương pháp dạy học Địa lý 1	3	3		45		
7	VIE101	Tiếng Việt thực hành	2		2	30		
8	SEG512	Lịch sử văn minh thế giới A – SP ĐL	2			30		
Tổng số tín chỉ học kỳ VI: 16 (Bắt buộc: 14; Tự chọn: 2)								
1	EDU101	Quản lý hành chính Nhà nước và Quản lý ngành Giáo dục và đào tạo	1	1		15		VII
2	SEG509	Giáo dục dân số	2		2	30		
3	SEG514	Địa lý đô thị	2			30		
4	PGE513	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) – SP ĐL	2	2		10	40	
5	PGE504	Bản đồ chuyên đề	2	2		30		
6	PED584	Phương pháp dạy học Địa lý 2	3	3		45		
7	SEG508	Địa danh Việt Nam	2	2		30		
8	GEO503	Địa lý địa phương	2	2		30		
9	PGE514	Địa lý Biển Đông	2	2		30		
Tổng số tín chỉ học kỳ VII: 16 (Bắt buộc: 14; Tự chọn: 2)								
1	EDU914	Thực tập sư phạm – SP ĐL	5	5				VIII
2	EDU951	Khóa luận tốt nghiệp – SP ĐL	10		10			
Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:								

S T T	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại HP		Số tiết		Học kỳ	
				Bắt buộc	Tự chọn	Lý thuyết	Thực hành Thí nghiệm		
3	SEG515	Địa lý du lịch– SP ĐL	3		10	45			
4	PGE515	Địa lý cảnh quan	2			30			
5	PGE520	Khí hậu ứng dụng	2			30			
6	SEG517	Phong tục, tín ngưỡng, lễ hội Việt Nam	3			45			
7	PGE517	Địa lý nhiệt đới	2			30			
8	SEG510	Môi trường và con người – SP ĐL	2			30			
9	EDU956	Giao tiếp sư phạm	2			20	20		
10	PGE901	Ứng dụng viễn thám và hệ thống định vị toàn cầu (GPS) vào ngành Địa lý	2			20	20		
Tổng số tín chỉ học kỳ VIII: 15 (Bắt buộc: 5; Tự chọn: 10)									

BAN GIÁM HIỆU

KHOA SƯ PHẠM

TRƯỞNG BỘ MÔN

